

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý nuôi trồng, khai thác,
bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02/7/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Pháp lệnh 04/2008/PL-UBTVQH12 ngày 02/4/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 11/10/2005 của Chính phủ về việc quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 70/TTr-SNNNT ngày 23/4/2009 về việc ban hành Quy chế quản lý nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế quản lý nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Điều 2. Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, CT, TC, TP, TT-TT;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công báo tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, NLN (Đường).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Y DHẮM ÊNUÔL

QUY CHẾ

Quản lý nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2009/QĐ-UBND
ngày 05/ 5 /2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích của quy chế

Quy chế này nhằm quy định việc quản lý nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển ổn định và bền vững.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Các tổ chức, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động nuôi trồng, khai thác, sản xuất kinh doanh liên quan đến thủy sản; trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với hoạt động nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng nuôi trồng thủy sản là khu vực mặt nước được quy hoạch để nuôi trồng thủy sản, không phân biệt địa giới hành chính và phương thức nuôi; có từ 2 cơ sở nuôi trồng trở lên; cùng sử dụng chung nguồn nước cấp và hệ thống thải nước. Hoạt động nuôi trồng thủy sản được thực hiện riêng theo từng cơ sở, nhưng chịu sự quản lý chung của Hội nghề nghiệp hoặc Ban quản lý vùng nuôi.

2. Vùng khai thác thủy sản là khu vực mặt nước sông suối, ao, hồ tự nhiên có nguồn lợi thủy sản được phép khai thác.

3. Khai thác thủy sản là hoạt động của tổ chức, cá nhân dùng ngư cụ đánh bắt, thu hoạch thủy sản tự nhiên.

4. Nuôi trồng thủy sản là hoạt động các tổ chức, cá nhân tiến hành thả giống, chăm sóc các loại thủy sản trên mặt nước được quy hoạch để phát triển thủy sản.

5. Khai thác thủy sản hợp pháp là việc đánh bắt thủy sản trong vùng không cấm khai thác, không trái thời điểm mùa vụ khai thác cho phép và sử dụng các ngư cụ theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Khai thác thủy sản không hợp pháp là việc đánh bắt thủy sản trong vùng cấm, thời điểm cấm khai thác, sử dụng ngư cụ không đúng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sử dụng vật liệu nổ, xung điện và các loại chất độc trong đánh bắt, khai thác thủy sản.

7. Cơ sở nuôi trồng thủy sản là nơi có hoạt động trực tiếp nuôi trồng thủy sản, trong đó các ao nuôi có cùng hình thức nuôi, sử dụng chung nguồn nước cấp và hệ thống thải nước do một tổ chức, cá nhân làm chủ.

8. Cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn là cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhằm kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm cho sản phẩm nuôi và nâng cao hiệu quả kinh tế của nghề nuôi trồng thủy sản.

9. Cơ sở khai thác thủy sản là tổ chức, cá nhân sử dụng trực tiếp các ngư cụ để đánh bắt thủy sản tự nhiên.

10. Hội nghề nghiệp hoặc Ban quản lý vùng nuôi (BQLVN) thủy sản là tổ chức được thành lập ở những vùng có từ 2 cơ sở nuôi trồng hoặc khai thác thủy sản trở lên, đại diện cho cộng đồng các cơ sở nuôi trồng hoặc khai thác thủy sản, có nhiệm vụ thống nhất quản lý trong vùng nuôi và vùng khai thác thủy sản, được tổ chức và hoạt động theo quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của Hội nghề nghiệp/Ban quản lý.

Chương II

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 4. Về quy hoạch và xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai rà soát, thống kê diện tích mặt nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; tiến hành lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết khu vực nuôi trồng thủy sản trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh thông qua và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó, khuyến khích việc đầu tư xây dựng các vùng nuôi và cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn.

2. Vùng nuôi trồng thủy sản phải được quy hoạch chi tiết theo phân cấp, có hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tránh lây nhiễm bệnh giữa các ao trong vùng nuôi hoặc từ vùng này sang vùng khác, đáp ứng các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Quy hoạch tổng thể cần làm rõ công tác thủy lợi hoá nuôi trồng, dự báo môi trường nuôi và xử lý ô nhiễm môi trường, đối tượng thủy sản nuôi phù hợp theo từng vùng nuôi, đảm bảo các dịch vụ hậu cần như giống, thức ăn và thuốc điều trị bệnh thủy sản. Công tác khuyến ngư, tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản được chuyển giao đến tận Hội nghề nghiệp hoặc BQLVN thủy sản của từng vùng nuôi trồng thủy sản.

4. Khuyến khích các địa phương có vùng nuôi trồng thủy sản thành lập Quỹ dân lập hỗ trợ rủi ro trong nghề nuôi trồng thủy sản trên cơ sở tự nguyện, bàn bạc dân chủ để hỗ trợ lẫn nhau trong việc phòng ngừa dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai và những rủi ro khác trong nghề nuôi trồng thủy sản.

Điều 5. Bảo vệ môi trường vùng nuôi trồng thủy sản

1. Hội nghề nghiệp thủy sản hoặc các dự án đầu tư nuôi trồng thủy sản thành lập các Ban quản lý vùng nuôi thủy sản và phải có báo cáo đánh giá tác động môi

trường hoặc có bản cam kết bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, xác nhận.

2. Chủ cơ sở khi xây dựng ao nuôi, lồng bè phải thỏa mãn các điều kiện:

a. Tránh nguồn chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt của khu vực dân cư;

b. Nguồn nước nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo các chỉ tiêu theo quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

c. Chất đất phù hợp với yêu cầu của ao/ lồng bè nuôi trồng thủy sản.

3. Hạn chế đến mức thấp nhất việc dùng thuốc thú y và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản. Tuyệt đối không sử dụng các loại thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học thuộc danh mục cấm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

4. Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời về dịch bệnh thủy sản, ô nhiễm môi trường cho cơ quan quản lý theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ sở nuôi trồng thủy sản

1. Chủ cơ sở trong vùng nuôi trồng thủy sản là thành viên của vùng nuôi trồng thủy sản, có trách nhiệm chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban quản lý vùng nuôi thủy sản hoặc Hội nghề nghiệp thủy sản.

2. Chấp hành nghiêm túc các biện pháp xử lý của UBND các cấp và các Sở, ngành có thẩm quyền liên quan trong việc xử lý vi phạm các hoạt động nuôi trồng thủy sản.

3. Ngoài việc phải chấp hành nghiêm túc các quy định tại Điều 4 Quy chế này, các cơ sở nuôi trồng thủy sản còn phải thực hiện các quy định sau:

a. Tham gia xây dựng và thực hiện các quy định cụ thể về vùng nuôi, hợp tác, chia sẻ thông tin để nâng cao nhận thức, hiểu biết giữa các cơ sở nuôi trồng thủy sản trong vùng nuôi;

b. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan chuyên môn;

c. Cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin diễn biến môi trường, dịch bệnh và mẫu thủy sản để phân tích dư lượng hóa chất độc hại theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra;

d. Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc tìm phương án và xử lý môi trường khi có sự cố hoặc dịch bệnh xảy ra.

Điều 7. Trách nhiệm của Hội nghề nghiệp thủy sản/Ban quản lý vùng nuôi thủy sản

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 5 của Quy chế này, Hội nghề nghiệp thủy sản/Ban quản lý vùng nuôi thủy sản còn phải thực hiện các quy định sau:

1. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Hội nghề nghiệp thủy sản/Ban quản lý vùng nuôi thủy sản.

2. Có kế hoạch, biện pháp kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định tại Chương II của Quy chế này đối với các cơ sở thành viên.

3. Phối hợp với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương trong việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra vùng nuôi và cơ sở nuôi trồng thủy sản trong vùng nuôi.

Điều 8. Quyền của Hội nghề nghiệp thủy sản/Ban quản lý vùng nuôi, Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản

1. Được tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản do cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.
2. Được đăng ký áp dụng quy phạm thực hành nuôi tốt (*sau đây được gọi là GAP*) với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được đào tạo, hướng dẫn thực hành GAP.
3. Được tạo điều kiện trong việc quảng bá vùng nuôi trên các phương tiện thông tin đại chúng, được đăng ký thương hiệu sản phẩm thủy sản đặc trưng của vùng nuôi.
4. Được chính quyền địa phương, Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho vay vốn để phát triển ngành nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 9. Về quy hoạch vùng được phép khai thác và cấm khai thác thủy sản

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát các khu vực có mặt nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy điện, các hoạt động khác, khu vực được phép khai thác và cấm khai thác thủy sản. Xét tính cần thiết để đảm bảo tránh việc đánh bắt, khai thác cạn kiệt nguồn lợi thủy sản theo mùa; tiến hành khảo sát quy hoạch thời điểm, mùa vụ khai thác và cấm khai thác cụ thể cho từng mặt nước.
2. Quy hoạch phải đảm bảo cho các hoạt động liên quan đến việc sử dụng mặt nước và đảm bảo việc tái sinh cho các nguồn lợi thủy sản.

Điều 10. Quy định về khai thác thủy sản

1. Hội nghề nghiệp thủy sản tổ chức, hướng dẫn các cơ sở khai thác thủy sản cam kết sử dụng ngư cụ đánh bắt thủy sản theo đúng quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
2. Chủ cơ sở khai thác thủy sản phải đảm bảo trang bị thiết bị cứu sinh cho tàu cá, không được vứt bỏ ngư cụ xuống vùng nước tự nhiên, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Nghiêm cấm cơ sở khai thác thủy sản sử dụng chất độc, xung điện, vật liệu nổ, ngư cụ không đúng theo quy định của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
4. Cơ sở khai thác thủy sản phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời về những sự việc vi phạm về quy định khai thác thủy sản cho cơ quan quản lý nơi gần nhất.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở khai thác thủy sản:

1. Chủ cơ sở khai thác thủy sản là thành viên của Hội nghề nghiệp thủy sản, có trách nhiệm chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động theo sự chỉ đạo của Hội nghề nghiệp thủy sản.
2. Không được phép khai thác thủy sản ở vùng cấm khai thác hoặc thời điểm mùa vụ không được phép khai thác thủy sản.

3. Chấp hành nghiêm túc các biện pháp xử lý của UBND các cấp và các Sở, ngành liên quan có thẩm quyền trong việc xử lý vi phạm các hoạt động khai thác thủy sản.

4. Ngoài việc phải chấp hành nghiêm túc các quy định tại Điều 9 Quy chế này, các cơ sở khai thác thủy sản còn phải thực hiện các quy định sau:

a. Tham gia xây dựng và thực hiện các quy định cụ thể về chia sẻ thông tin để nâng cao nhận thức, hiểu biết giữa các cơ sở khai thác thủy sản trong vùng khai thác;

b. Cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin phương thức, ngư cụ đánh bắt thủy sản và diễn biến môi trường trong vùng khai thác thủy sản;

c. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan chuyên môn.

Điều 12. Trách nhiệm của Hội nghề nghiệp thủy sản:

1. Dựa vào thông báo của cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về vùng cấm khai thác, thời điểm và mùa không được phép khai thác thủy sản để thông báo kịp thời đến các cơ sở khai thác thủy sản.

2. Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 10 của Quy chế này, Hội nghề nghiệp thủy sản còn phải thực hiện các quy định theo khoản 1, 2, 3 Điều 7 của Quy chế này.

Điều 13. Quyền của Hội nghề nghiệp thủy sản, Chủ cơ sở khai thác thủy sản

1. Được tập huấn hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản nguyên liệu thủy sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm do cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

2. Được chính quyền địa phương, Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho vay vốn để phát triển ngành nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 14. Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản nội địa

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở: Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ xây dựng chính sách khuyến khích về bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có các hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản hoặc hoạt động khác ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống, di cư, sinh sản của các loài thủy sản trên địa bàn tỉnh phải tuân theo những quy định của Luật Thủy sản, Luật về bảo vệ môi trường, Luật về tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Nông nghiệp phối hợp với các Sở: Điện lực, Công thương, Tài nguyên và Môi trường thẩm định, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khi xây dựng mới, thay đổi hoặc phá bỏ các công trình thủy điện, thủy lợi trên sông, suối nằm trên địa bàn tỉnh có liên quan đến môi trường sống, di cư, sinh sản của các loài thủy sản phải thực hiện việc đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật về bảo vệ môi trường.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về khai thác thủy sản bằng đặt dăng, dẫy hoặc bằng phương pháp ngạnh, chần khác ở các sông, suối, hồ, đập trên địa bàn tỉnh phải dành hành lang

cho các loài thủy sản di chuyển; hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện những quy định trên.

Điều 15. Bảo tồn, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, hướng dẫn thực hiện các chính sách bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các loài thủy sản đang có nguy cơ tuyệt chủng, các loài quý hiếm, các loài có giá trị kinh tế cao và các loài có ý nghĩa khoa học cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thủy sản trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ khuyến khích các nghiên cứu khoa học để đưa ra các biện pháp phù hợp nhằm phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; hàng năm có kế hoạch sản xuất giống thủy sản để thả vào môi trường sống tự nhiên nhằm tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ thông báo, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh những quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh về:

a. Danh mục các loài thủy sản đã được ghi trong sách đỏ Việt Nam và các loài thủy sản khác bị cấm khai thác; danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác có thời hạn và thời gian cấm khai thác;

b. Các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ bị cấm sử dụng hoặc bị hạn chế sử dụng;

c. Chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác, mùa vụ khai thác;

d. Khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

3. Trong trường hợp cần thiết Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này cho phù hợp với thực tế hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Quy hoạch và quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa thuộc tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nghiên cứu, đề tài cấp tỉnh để bảo tồn quỹ gen và đa dạng sinh học thủy sản trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tái định cư, bảo đảm lợi ích cho dân cư trong khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh thông qua.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có liên quan quản lý, bảo vệ các khu bảo tồn vùng nước nội địa theo Quy chế quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa.

Điều 17. Nguồn tài chính để tái tạo nguồn lợi thủy sản

1. Nguồn tài chính để tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh:

a. Hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước;

b. Thành lập quỹ tái tạo nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ sự đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác, nuôi trồng, chế biến, mua bán thủy sản; sự đóng góp của tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành, nghề có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn lợi thủy sản; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài; các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo, trình UBND tỉnh ban hành quy định việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính để tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; quy định cụ thể đối tượng, mức đóng góp và trường hợp được miễn, giảm đóng góp vào quỹ tái tạo nguồn lợi thủy sản theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương V **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Xây dựng Quy hoạch tổng thể, chi tiết về nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trình HĐND tỉnh thông qua và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng và các Sở, ngành khác có liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh các chế độ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nhằm phát triển các vùng nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

4. Tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc đánh giá tác động môi trường và các hoạt động quản lý môi trường vùng nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

5. Soạn thảo và trình UBND tỉnh ban hành khung Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội nghề nghiệp thủy sản.

6. Chỉ đạo Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan chức năng khác để tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý những hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này. Tiếp nhận, giải quyết và trình cấp có thẩm quyền giải quyết (nếu vượt quá thẩm quyền) những khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc thực hiện Quy chế này.

7. Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc phổ biến các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn, chuyên giao kỹ thuật mới về sản

xuất giống, phòng trừ và phát hiện dịch bệnh, thông báo tình hình môi trường, thông tin thị trường thủy sản cho cơ sở nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

8. Chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thủy sản trên địa bàn tỉnh theo định kỳ 3 tháng/ 1 lần.

Điều 19. Trách nhiệm của UBND huyện, thị xã, thành phố

1. Căn cứ quy hoạch tổng thể nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn của các Sở, ngành chức năng, UBND huyện, thị xã, thành phố tiến hành quy hoạch chi tiết vùng nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập các Hội nghề nghiệp thủy sản/Ban quản lý vùng nuôi và xây dựng quy chế hoạt động.

3. Tổ chức xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường và tuyệt đối không sử dụng vật liệu nổ, xung điện, chất độc và các ngư cụ không đúng theo quy định hiện hành.

4. Phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường tham gia đánh giá, kiểm soát các hoạt động của các cơ sở và vùng nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

5. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chuyên môn thuộc Sở, chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trạm Thú y tham gia các chương trình tư vấn, hỗ trợ về tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, kỹ thuật và công nghệ, thông tin thị trường, kiểm tra quản lý giống và sản phẩm, phòng trừ bệnh dịch, giám sát môi trường vùng nuôi, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

6. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 29 đã được sửa đổi, bổ sung tại Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và Nghị định 128/2005/NĐ-CP ngày 11/10/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn

1. Rà soát và tham mưu cho UBND huyện, thị xã, thành phố thành lập các Hội nghề nghiệp thủy sản/Ban quản lý vùng nuôi và xây dựng quy chế hoạt động.

2. Chủ động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28 đã được sửa đổi, bổ sung tại Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và Nghị định 128/2005/NĐ-CP ngày 11/10/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

3. Tham gia phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường đánh giá, kiểm soát các hoạt động của các cơ sở và vùng thủy sản trên địa bàn quản lý.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức khác

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc quy hoạch các vùng nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh;

b. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên kiểm tra, thanh tra phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường vùng nuôi, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

a. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc cân đối ngân sách cho các hoạt động quản lý vùng nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh;

b. Soạn thảo quy định cụ thể về tỷ lệ được trích từ việc xử phạt vi phạm hành chính và nguyên tắc quản lý, sử dụng khoản kinh phí này, đảm bảo có kinh phí cho các hoạt động liên quan.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Đắc Lắc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, quán triệt theo Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 11/10/2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, tính bền vững và quyền lợi nghề thủy sản của người dân trên địa bàn tỉnh khi chấp hành tốt Quy chế này.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Công thương: Chủ động hoặc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền việc dùng vật liệu nổ, xung điện, chất độc, ngư cụ không đúng theo quy định hiện hành trong khai thác thủy sản và việc đưa các loại giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất không rõ nguồn gốc vào tiêu thụ tại các vùng nuôi trồng thủy sản.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội và Đoàn thể các cấp với chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp tuyên truyền vận động các hội viên và nhân dân thực hiện tốt Quy chế này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Y DHĂM ÊNUÔL